



**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM  
Mã số thuế: 0305482862

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ 03 NĂM 2013**

**Tháng 10 năm 2013**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2013	Tại ngày 01/01/2013
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2,545,164,710,007</b>	<b>1,820,915,755,034</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>669,907,262,931</b>	<b>527,206,222,588</b>
	1. Tiền	111		60.647.262.931	75.954.808.213
	2. Các khoản tương đương tiền	112		609.260.000.000	451.251.414.375
<b>II.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>690,079,595,039</b>	<b>545,755,919,612</b>
	1. Phải thu khách hàng	131		611.709.113.540	467.852.825.928
	2. Trả trước cho người bán	132		1.913.108.022	4.789.172.809
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		4.780.970.721	-
	4. Các khoản phải thu khác	135		92.697.061.660	90.122.428.778
	5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(21.020.658.904)	(17.008.507.903)
<b>III.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>979,388,324,901</b>	<b>617,382,056,146</b>
	1. Hàng tồn kho	141		997.231.379.260	635.242.845.751
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.843.054.359)	(17.860.789.605)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>205,789,527,136</b>	<b>130,571,556,688</b>
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		669.713.377	816.537.499
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		204.189.973.333	128.938.663.288
	3. Tài sản ngắn hạn khác	158		929.840.426	816.355.901
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>9,107,349,832</b>	<b>7,767,654,510</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,923,603,280</b>	<b>2,791,273,696</b>
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	1.832.121.561	2.676.090.735
	- Nguyên giá	222		5.752.339.344	6.769.975.013
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.920.217.783)	(4.093.884.278)
	2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	91.481.719	115.182.961
	- Nguyên giá	228		891.153.105	878.148.832
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(799.671.386)	(762.965.871)
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,350,000,000</b>	-
	1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.350.000.000	-
<b>III.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5,833,746,552</b>	<b>4,976,380,814</b>
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.228.534.227	-
	2. Tài sản dài hạn khác	268		3.605.212.325	4.976.380.814
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>		<b>270</b>		<b>2,554,272,059,839</b>	<b>1,828,683,409,544</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2013	Tại ngày 01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2,281,192,003,614</b>	<b>1,681,597,739,756</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,274,001,700,125</b>	<b>1,679,695,721,487</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	1,513,029,078,585	1,111,978,397,832
2. Phải trả người bán	312		650,040,346,308	270,881,332,520
3. Người mua trả tiền trước	313		3,154,925,045	2,236,165,729
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	9,552,702,211	38,616,341,594
5. Phải trả người lao động	315		22,476,358,124	34,947,193,210
6. Chi phí phải trả	316	11	3,601,484,479	5,047,791,673
7. Phải trả nội bộ	317		-	138,316,862,285
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	67,498,154,419	71,644,185,690
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4,648,650,954	6,027,450,954
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7,190,303,489</b>	<b>1,902,018,269</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		7,190,303,489	1,902,018,269
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>273,080,056,225</b>	<b>147,085,669,788</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	13	<b>273,080,056,225</b>	<b>147,085,669,788</b>
1. Vốn điều lệ	411		142,227,000,000	120,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33,340,500,000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4,977,707,165	4,977,707,165
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		92,534,849,060	22,107,962,623
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2,554,272,059,839</b>	<b>1,828,683,409,544</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 30/09/2013	Tại ngày 01/01/2013
1. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Đồng		
2. Nợ khó đòi đã xử lý	Đồng		
3. Ngoại tệ các loại	USD	211,252	188,168
	EUR	105	105

Phan Hải Âu  
Người lập biểu  
Ngày 18 tháng 10 năm 2013

Lê Thị Chiến  
Kế toán trưởng

Huỳnh Văn Thi  
Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

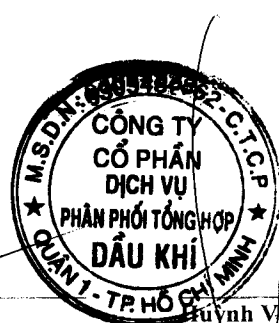
MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III năm 2013	Quý III năm 2012	Từ ngày 01/01/2013 đến 30/09/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến 30/09/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,782,469,917,389	1,452,042,770,308	4,528,027,930,760	4,121,112,665,045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		52,251,342,078	52,659,495,676	126,117,453,746	181,266,493,937
- Chiết khấu thương mại		20,446,279,396	23,553,687,806	53,249,800,225	103,210,590,601
- Giảm giá hàng bán		17,935,262,174	8,935,613,357	40,146,993,220	34,748,119,254
- Hàng bán trả lại		13,869,800,508	20,170,194,513	32,720,660,301	43,307,784,082
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,730,218,575,311	1,399,383,274,632	4,401,910,477,014	3,939,846,171,108
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		1,643,357,183,971	1,330,862,349,983	4,154,033,714,261	3,686,279,300,781
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86,861,391,340	68,520,924,649	247,876,762,753	253,566,870,327
6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	14,480,182,743	7,848,307,328	41,610,515,014	22,048,410,163
7. Chi phí tài chính	15	21,731,719,361	23,621,384,319	66,629,342,163	86,434,074,185
Trong đó: Chi phí lãi vay		19,660,120,872	20,836,282,404	56,955,392,540	71,027,602,990
8. Chi phí bán hàng		26,583,370,853	26,910,319,190	68,298,613,153	62,884,639,989
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		23,734,578,484	20,658,321,476	62,509,813,265	57,706,380,181
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29,291,905,385	5,179,206,992	92,049,509,186	68,590,186,135
11. Thu nhập khác	16	299,923,270	25,910,488,058	4,175,861,990	26,688,998,075
12. Chi phí khác	17	26,181,801	2,799,181,093	342,776,335	2,845,23,565
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		273,741,469	23,111,306,965	3,833,085,655	23,843,874,510
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		29,565,646,854	28,290,513,957	95,882,594,841	92,434,060,645
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	8,822,686,752	6,294,586,130	24,715,574,945	28,686,008,383
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		20,742,960,103	21,995,927,826	71,167,019,896	63,748,052,262
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	1,458	1,833	5,256	5,312

Phan Hải Âu  
 Người lập biểu  
 Ngày 18 tháng 10 năm 2013

Lê Thị Chiên  
 Kế toán trưởng



Trần Văn Thi  
 Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013	Từ ngày 01/01/2012
		đến 30/09/2013	đến 30/09/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	95,882,594,841	92,434,060,645
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	730,590,728	685,292,764
Các khoản dự phòng	03	3,994,415,755	17,780,900,907
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(25,627,088,689)	(11,007,533,518)
Chi phí lãi vay	06	56,955,392,540	71,027,602,990
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08	131,935,905,175	170,920,323,788
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(222,822,073,517)	58,541,749,938
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(361,988,533,509)	585,364,145,418
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	226,585,501,405	362,042,370,562
(Tăng) chi phí trả trước	12	(1,783,373,648)	(593,594,892)
Tiền lãi vay đã trả	13	(58,034,021,964)	(73,640,139,952)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(43,988,342,480)	(29,867,105,799)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1,386,168,489	43,783,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,383,800,000)	(2,322,031,260)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(330,092,570,049)</b>	<b>1,070,489,500,803</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(390,303,364)	(331,553,118)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	153,879,592	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,350,000,000)	-
4. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	24,813,708,211	9,226,795,385
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>23,227,284,439</b>	<b>8,895,242,272</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	55,567,500,000	-
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3,272,343,352,450	2,337,230,873,876
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,873,363,251,445)	(3,188,673,942,099)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(4,981,275,052)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>449,566,325,953</b>	<b>(851,443,068,223)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>142,701,040,343</b>	<b>227,941,674,852</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>527,206,222,588</b>	<b>169,870,015,006</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>669,907,262,931</b>	<b>397,811,689,858</b>

Phan Hải Âu  
Người lập biểu  
Ngày 18 tháng 10 năm 2013

Lê Thị Chiến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thi  
Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

## Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013.

#### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

### Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**Từ ngày 01/01/2013 đến ngày**

**30/09/2013**

**Số năm**

Phương tiện vận tải

6 - 10

Thiết bị văn phòng

3 - 5

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

### Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	344,382,430	715,476,353
Tiền gửi ngân hàng	60,302,880,501	75,239,331,860
Các khoản tương đương tiền	<u>609,260,000,000</u>	<u>451,251,414,375</u>
	<u><b>669,907,262,931</b></u>	<u><b>527,206,222,588</b></u>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	48,210,420,865
Hàng hóa	994,989,459,763	566,695,029,039
Hàng gửi đi bán	<u>2,241,919,497</u>	<u>20,337,395,847</u>
	<u><b>997,231,379,260</b></u>	<u><b>635,242,845,751</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(17,843,054,359)</u>	<u>(17,860,789,605)</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của HHTK</b>	<u><b>979,388,324,901</b></u>	<u><b>617,382,056,146</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	3,543,117,432	3,226,857,581	6,769,975,013
Mua trong kỳ		259,756,091	259,756,091
Chuyển giao trong kỳ		(187.803.695)	(187.803.695)
Chuyển sang CCDC	(80,929,091)	(1,008,658,974)	(1,089,588,065)
Tại ngày 30/09/2013	<u>3,462,188,341</u>	<u>2,290,151,003</u>	<u>5,752,339,344</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	1,609,292,071	2,484,592,207	4,093,884,278
Khấu hao trong kỳ	344,890,854	263,582,474	608,473,328
Chuyển giao trong kỳ	-	(33.924.103)	(33.924.103)
Chuyển sang CCDC	(51,184,986)	(697,030,734)	(748,215,720)
Tại ngày 30/09/2013	<u>1,902,997,939</u>	<u>2,017,219,844</u>	<u>3,920,217,783</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/09/2013	<u>1,559,190,402</u>	<u>272,931,159</u>	<u>1,832,121,561</u>
Tại ngày 01/01/2013	<u>1,933,825,361</u>	<u>742,265,374</u>	<u>2,676,090,735</u>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2013	878,148,832
Tăng trong kỳ	130,547,273
Chuyển sang CCDC	(117,543,000)
Tại ngày 30/09/2013	<u>891,153,105</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2013	762,965,871
Khấu hao trong kỳ	73,799,878
Chuyển sang CCDC	(37,094,363)
Tại ngày 30/09/2013	<u>799,671,386</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/09/2013	<u>91,481,719</u>
Tại ngày 01/01/2013	<u>115,182,961</u>

**9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/09/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TM Cổ Phần Ngoại thương Việt Nam	566,352,581.839	383,278,275.232
Ngân hàng TM Cổ phần Quân Đội (MB)	31,434,216.000	-
Ngân hàng Techcombank	60,732,144.867	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN7	172,272,377.005	-
Ngân hàng Indovina Việt Nam	-	127,505,691.581
Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam	203,354,968.130	-
Ngân hàng HSBC Việt Nam (HSBC)	142,868,314.100	296,034,897.480
Ngân hàng ANZ Việt Nam (ANZ)	336,014,476.644	305,159,533.539
	<u>1,513,029,078,585</u>	<u>1,111,978,397,832</u>

Số dư các khoản vay tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 bao gồm: 9.646,820.12 USD và 1,309,674.110.455 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	797,972,836	9,565,280,790
Thuế xuất, nhập khẩu	(122,631,075)	260,122,096
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,659,216,316	27,931,983,851
Thuế TN cá nhân	195,793,036	858,954,857
Thuế khác	22,351,098	-
	<u>9,552,702,211</u>	<u>38,616,341,594</u>

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả lãi vay	1,991,211,718	2,664,738,176
Chi phí phải trả khác	1,909,651,139	2,383,053,497
	<u>3,900,862,857</u>	<u>5,047,791,673</u>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/09/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	10,901,075	10,901,075
Kinh phí công đoàn	70,332,652	705,051,985
Bảo hiểm xã hội	61,351,056	37,493,172
Các khoản phải trả phải nộp khác	67,355,569,636	70,890,739,458
	<u>67,498,154,419</u>	<u>71,644,185,690</u>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	120,000,000,000	-	4,210,828,200	-	16,052,604,907	140,263,433,107
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	101,084,014,288	101,084,014,288
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(4,210,828,200)	-	-	(4,210,828,200)
Trích lập các quỹ	-	-	-	4,977,707,165	(6,968,790,031)	(1,991,082,866)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(88,059,866,541)	(88,059,866,541)
Số dư tại ngày 01/01/2013	<u>120,000,000,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4,977,707,165</u>	<u>22,107,962,623</u>	<u>147,085,669,788</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	71,167,019,896	71,167,019,896
Tăng vốn góp	22,227,000,000	33,340,500,000	-	-	-	55,567,500,000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(740,133,459)	-
Số dư tại ngày 30/09/2013	<u>142,227,000,000</u>	<u>33,340,500,000</u>	<u>-</u>	<u>4,977,707,165</u>	<u>92,534,849,060</u>	<u>273,080,056,225</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ****Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25,873,711,899	10,437,438,589
Lãi chênh lệch tỷ giá	9,666,572,090	9,333,480,574
Hoạt động tài chính khác	6,070,231,025	2,277,491,000
	<b>41,610,515,014</b>	<b>22,048,410,163</b>

**15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	56,955,392,540	71,027,602,990
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4,422,436,166	8,153,326,435
Hoạt động tài chính khác	5,251,513,457	7,253,144,760
	<b>66,629,342,163</b>	<b>86,434,074,185</b>

**16. THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012
	VND	VND
Thuế được hoàn của các năm trước	3,446,622,590	25,732,542,317
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	153,879,592	-
Thu nhập khác	575,359,808	956,455,758

**17. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012
	VND	VND
Chi phí khác	342,776,335	2,845,123,565
	<b>342,776,335</b>	<b>2,845,123,565</b>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/09/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/09/2012
	VND	VND
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế</b>	<b>95,882,594,841</b>	<b>92,434,060,645</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(246,623,210)	(570,094,927)
Cộng: CP không được khấu trừ	3,226,328,147	22,880,067,814
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>98,862,299,778</b>	<b>114,744,033,532</b>
Thu nhập chịu thuế	98,862,299,778	114,744,033,532
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>24,715,574,945</b>	<b>28,686,008,383</b>

Trong kỳ Công ty chịu thuế suất 25% thuế thu nhập doanh nghiệp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Từ ngày 01/01/2013</u> <u>đến ngày 30/09/2013</u>	<u>Từ ngày 01/01/2012</u> <u>đến ngày 30/09/2012</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	71,167,019,896	63,748,052,262
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.539.250	12.000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.256	5,312

**20. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013 được Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 18 tháng 10 năm 2013.



Phan Hải Âu  
Người lập biểu  
Ngày 18 tháng 10 năm 2013



Lê Thị Chiến  
Kế toán trưởng



Giám đốc

